

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục đại học

Năm học 2019-2020

A. Công khai thông tin về diện tích đất, tổng diện tích sàn xây dựng

STT	Nội dung	Đơn vị tính (m2)	Hình thức sử dụng		
			Sở hữu	Liên kết	Thuê
1	Tổng diện tích đất cơ sở đào tạo quản lý sử dụng	114,921.00	x		
	Trong đó:				
a	Trụ sở chính	114,921.00	x		
b	Phân hiệu tại...				
c	Cơ sở 2 tại..				
2	Tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học	41,082.10	x		
	Trong đó:				
a	Trụ sở chính	41,082.10	x		
b	Phân hiệu tại...				
c	Cơ sở 2 tại..				

B. Công khai thông tin về các phòng thí nghiệm, phòng thực hành, xưởng thực tập, nhà tập đa năng, hội trường,

STT	Tên	Số lượng	Mục đích sử dụng	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
1	Phòng thí nghiệm Vật lý Đại cương	1	Thí nghiệm Vật lý đại cương	GV, người học	144.79	x		
2	Phòng thí nghiệm PP Vật lý I	1	Thực hành phương pháp Vật lý	GV, người học	193.05	x		
3	Phòng thực hành điện tử	1	Thực hành điện tử	GV, người học	107.50	x		
4	Phòng thí nghiệm PP Vật lý II	1	Thực hành Vật lý	GV, người học	161.25	x		
5	Phòng thí nghiệm động vật 1,2	1	Dạy thực hành bộ môn động vật	GV, người học	193.05	x		
6	Phòng thí nghiệm thực vật	1	Dạy thực hành bộ môn thực vật	GV, người học	198.25	x		
7	Phòng thí nghiệm Hóa phân tích, Hóa vô cơ	1	Thực hành vô cơ và phân tích	GV, người học	193.05	x		
8	Phòng thí nghiệm Hóa lý - Hóa hữu cơ	1	Thực hành đại cương - hóa lý - hữu cơ	GV, người học	148.69	x		
9	Phòng thí nghiệm hóa học	1	Phân tích các chỉ tiêu hóa lý- môi trường	GV, người học	247.81	x		
10	Phòng thí nghiệm PPDH Hóa học	1	Thực hành phương pháp dạy học hóa học và thực hành	GV, người học	107.50	x		
11	Phòng bộ môn hóa	1	Thực hành phương pháp dạy học hóa học và thực hành	GV, người học	161.25	x		
12	Phòng thí nghiệm Phân tích môi trường	1	Thí nghiệm Phân tích môi trường	GV, người học	161.25	x		
13	Phòng thí nghiệm Thủy sản	1	Thí nghiệm Thủy sản	GV, người học	107.50	x		
14	Phòng đo đạc và thí nghiệm đất	1	Đo đạc và thí nghiệm đất	GV, người học	161.25	x		
15	Phòng thí nghiệm Vi sinh	1	Thí nghiệm Vi sinh - Môi trường	GV, người học	198.25	x		
16	Phòng thực hành máy tính	12	Thực hành máy tính	GV, người học	1,163.50	x		
17	Phòng thực hành ngoại ngữ	8	Thực hành nói, viết,...	GV, người học	1,029.26	x		
18	Phòng thực hành Nấu ăn	1	Rèn luyện nấu ăn	GV, người học	161.25	x		



Handwritten signature

19	Phòng thực hành kế toán ảo	2	Thực hành kế toán ảo	GV, người học	193.92	x		
20	Xưởng Ô tô	1	Thực hành	GV, người học	135.24	x		
21	Xưởng cơ khí	1	Thực hành	GV, người học	79.20	x		
22	Trường THSP MN Hoa Hồng	8	Thực tập và RLNVSP	GV, SV	578.00	x		
23	Nhà tập đa năng	1	Hoạt động thể dục thể thao, văn hóa, văn nghệ	GV, người học	2,472.65	x		
24	Hội trường	1	Học tập, hội thảo, văn nghệ, tổ chức sự kiện,...	GV, người học	930.35	x		
25	Phòng học	88	Học tập, nghiên cứu	GV, người học	11,393.85	x		
26	Phòng học đa phương tiện							
27	Thư viện	02	Học tập, nghiên cứu	CBGV, người học	2,087.88	x		
28	Trung tâm học liệu							
29	Các phòng chức năng khác							

C. Công khai thông tin về học liệu (sách, tạp chí, ebook, cơ sở dữ liệu điện tử) thư viện và trung tâm học liệu

STT	Tên	Số lượng
1	Số phòng học	2
2	Số chỗ ngồi đọc	450
3	Số máy tính của thư viện	49
4	Số lượng đầu sách, tạp chí, ebook, cơ sở dữ liệu trong thư viện (đầu sách, tạp chí)	Đầu sách: 23.794 đầu sách Tạp chí: 55 loại tạp chí Cơ sở dữ liệu trong thư viện: 1.729 đầu luận văn, luận án, sách, đề tài nghiên cứu khoa học...
5	Số thư viện điện tử liên kết ngoài trường	4

D. Diện tích đất/sinh viên; diện tích sàn/ sinh viên

STT	Tên	Tỷ lệ
1	Diện tích đất /sinh viên	27.67
2	Diện tích sàn/sinh viên	9.89

Đồng Tháp, ngày 14 tháng 11 năm 2019



Lương Thanh Tân